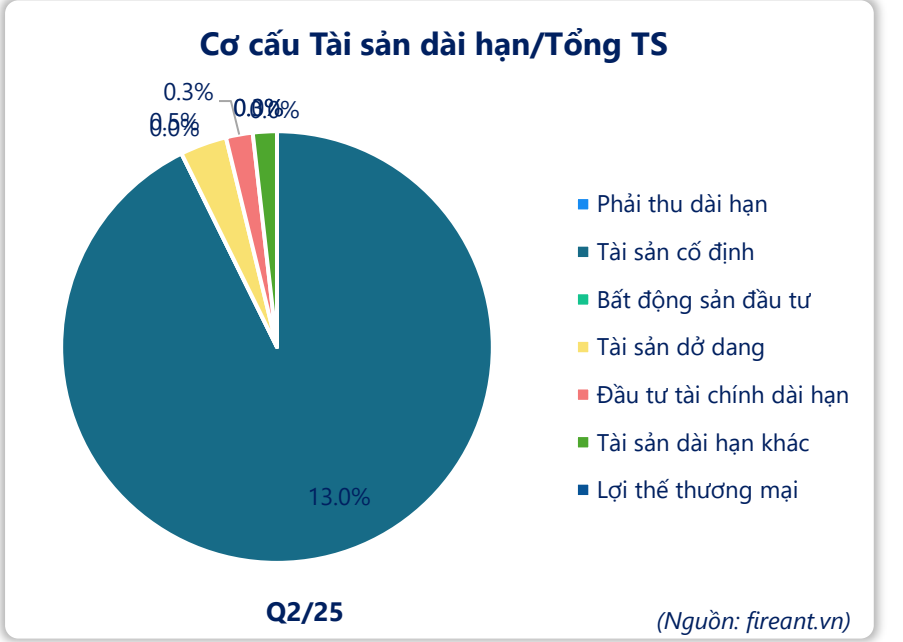
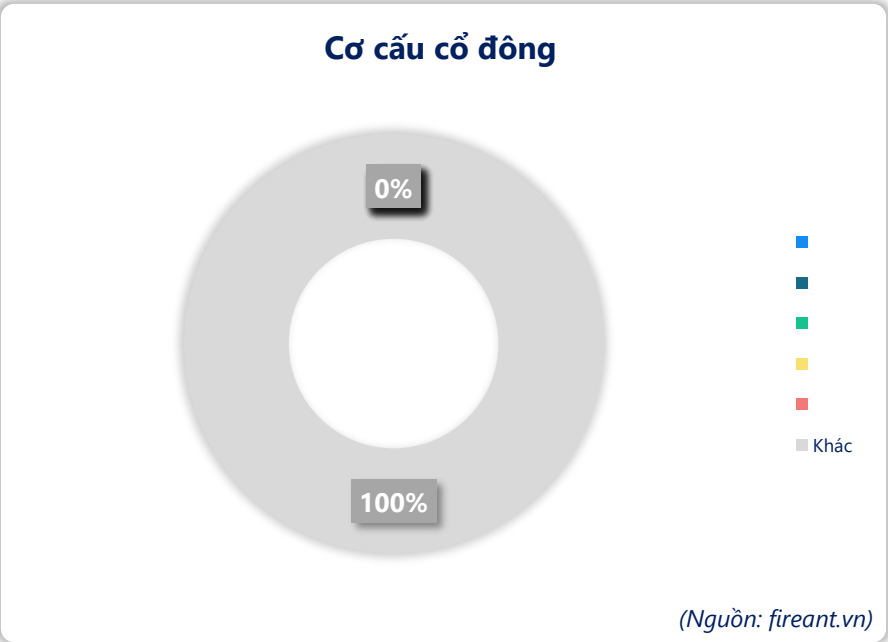
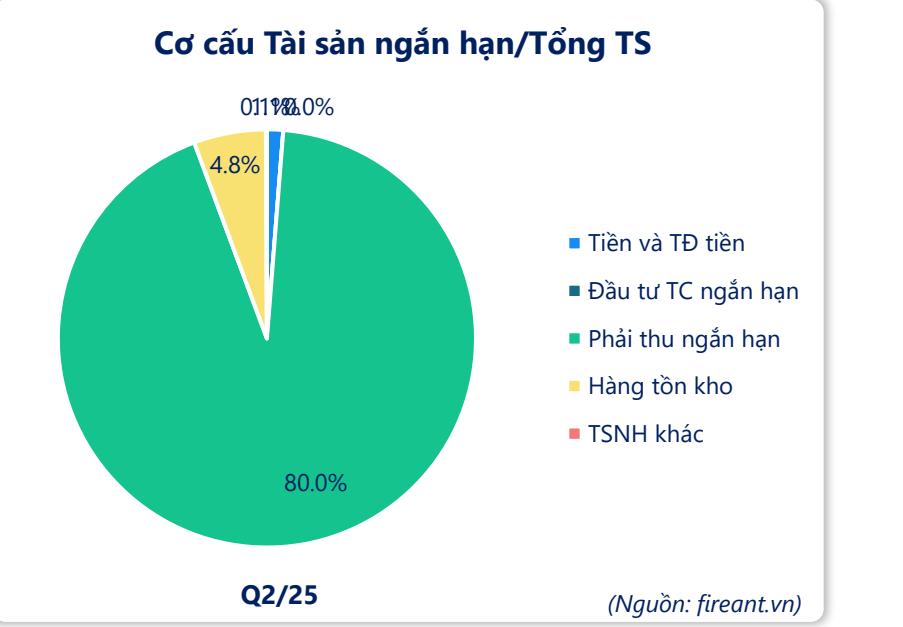
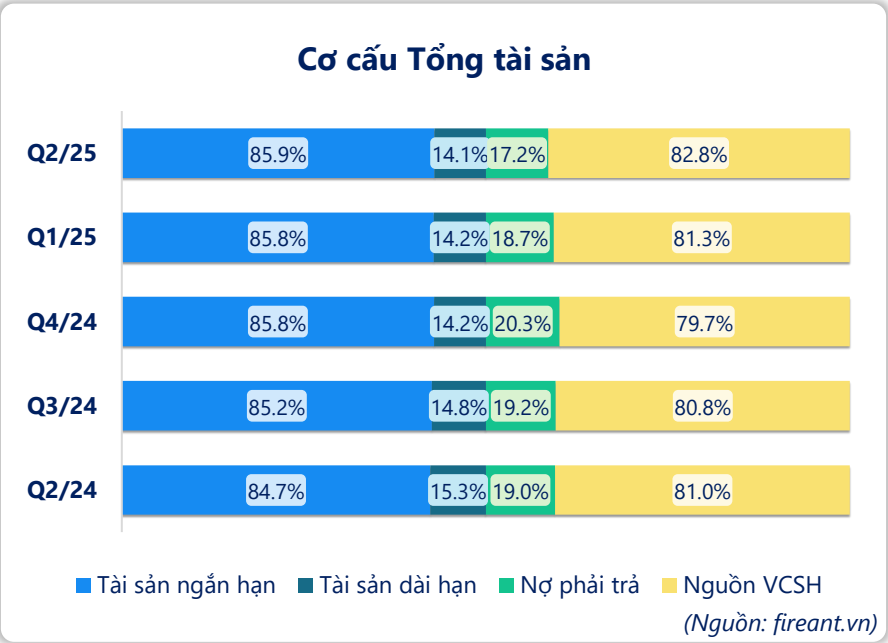
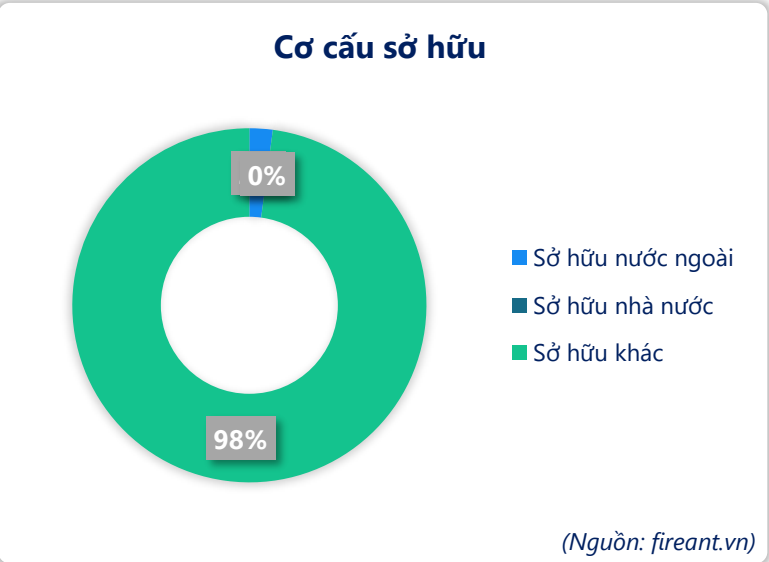
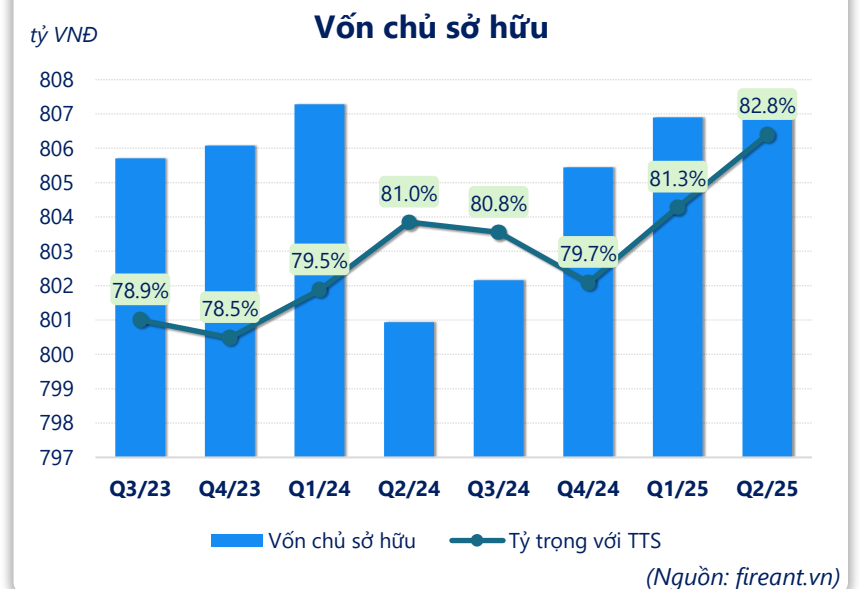
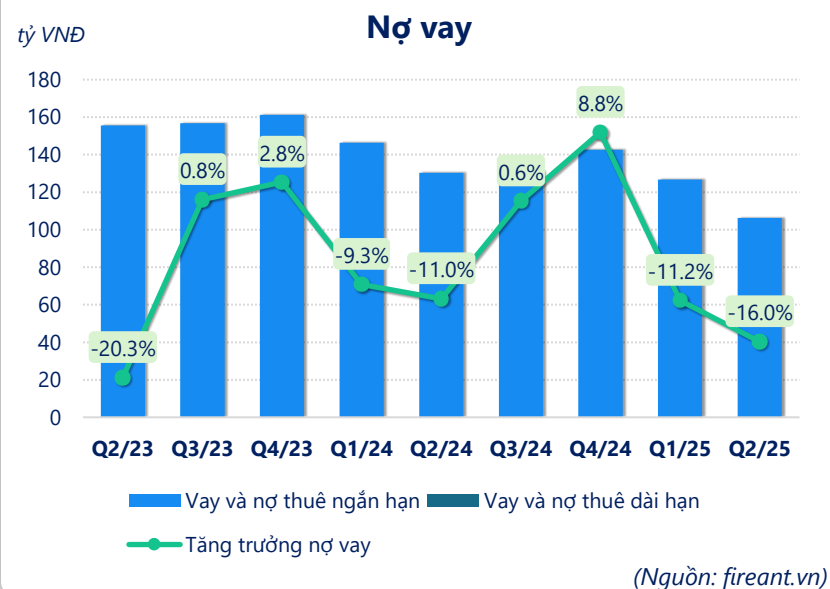
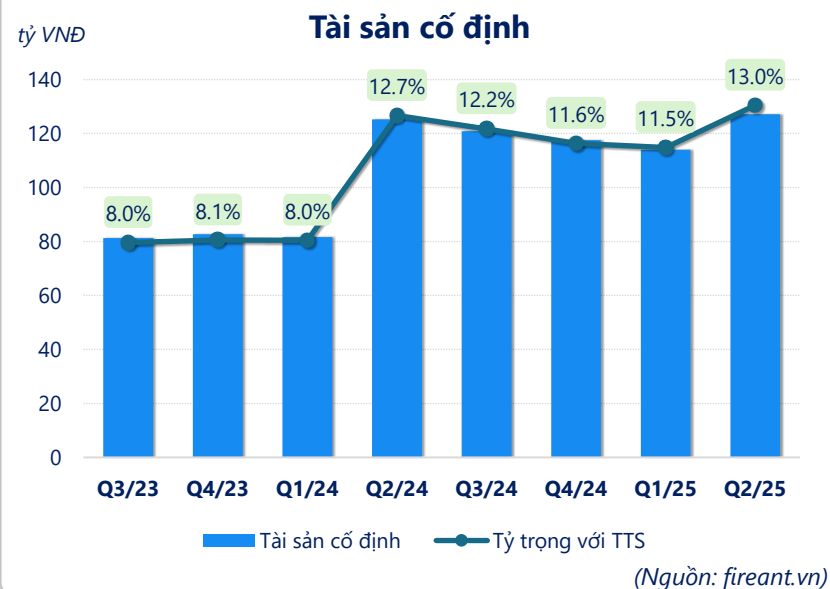
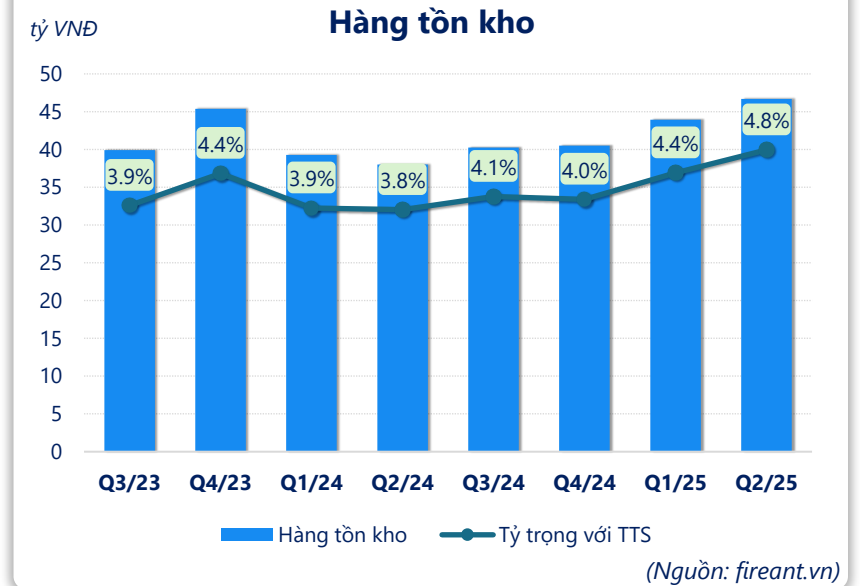
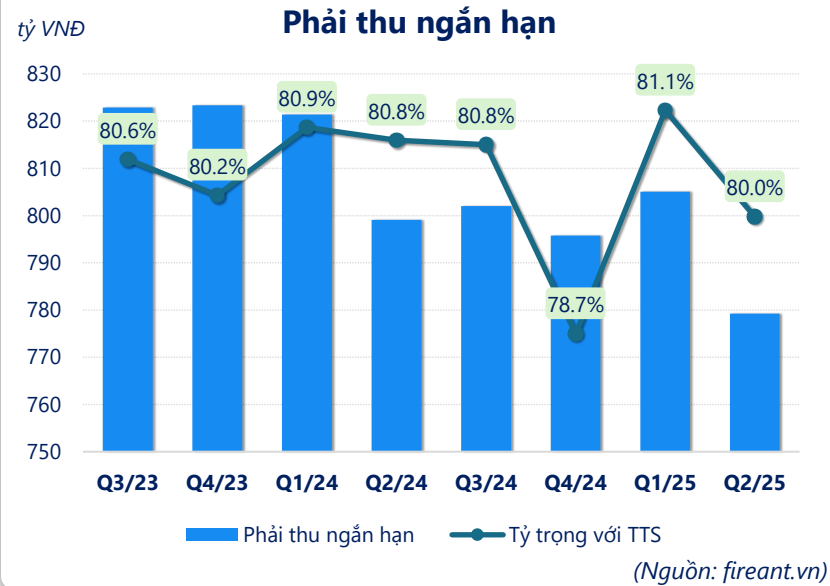
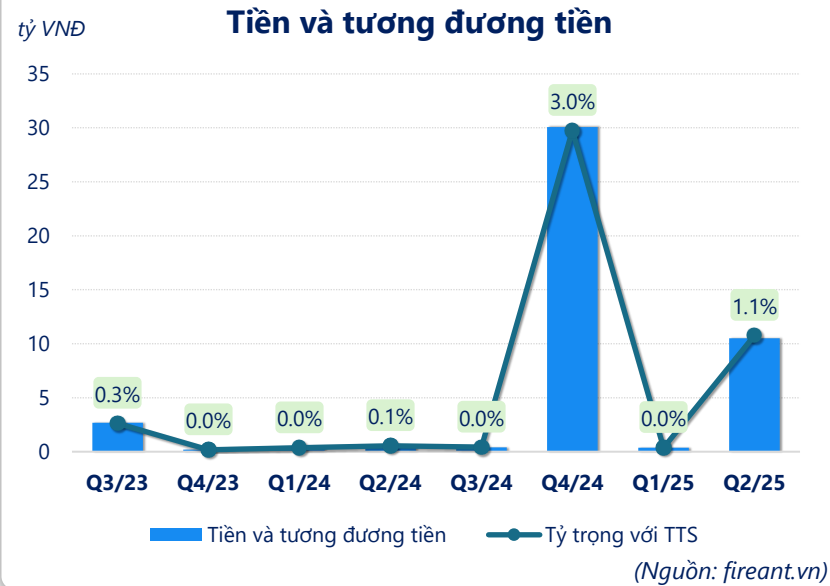
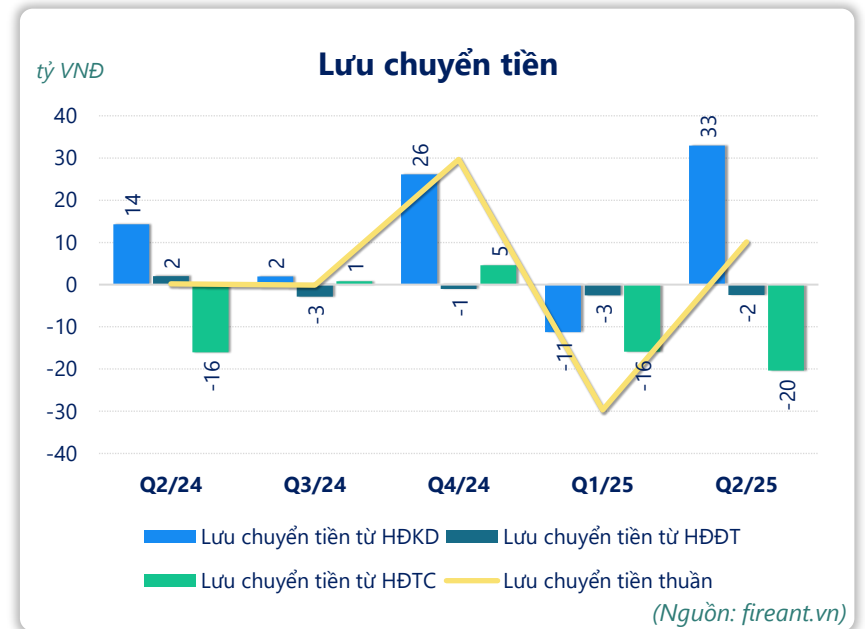
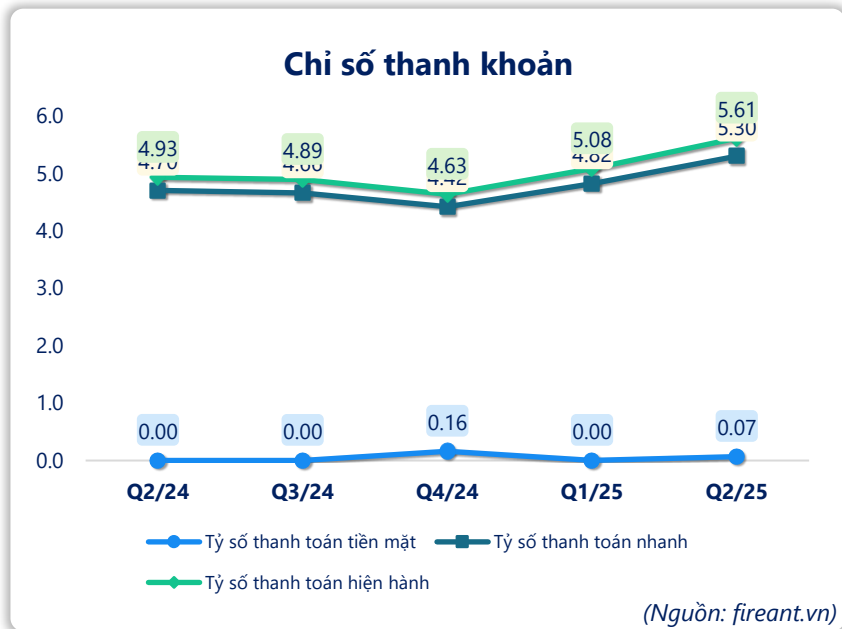
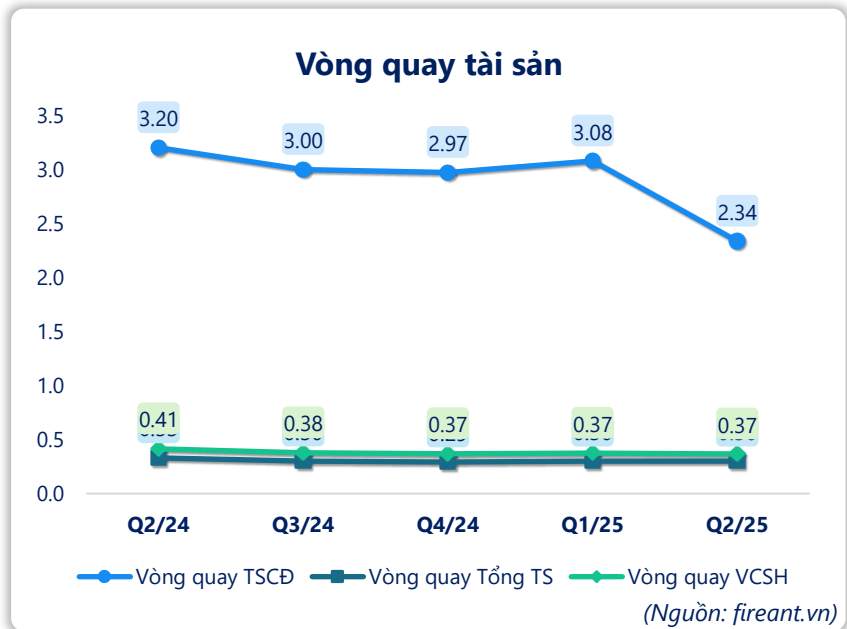
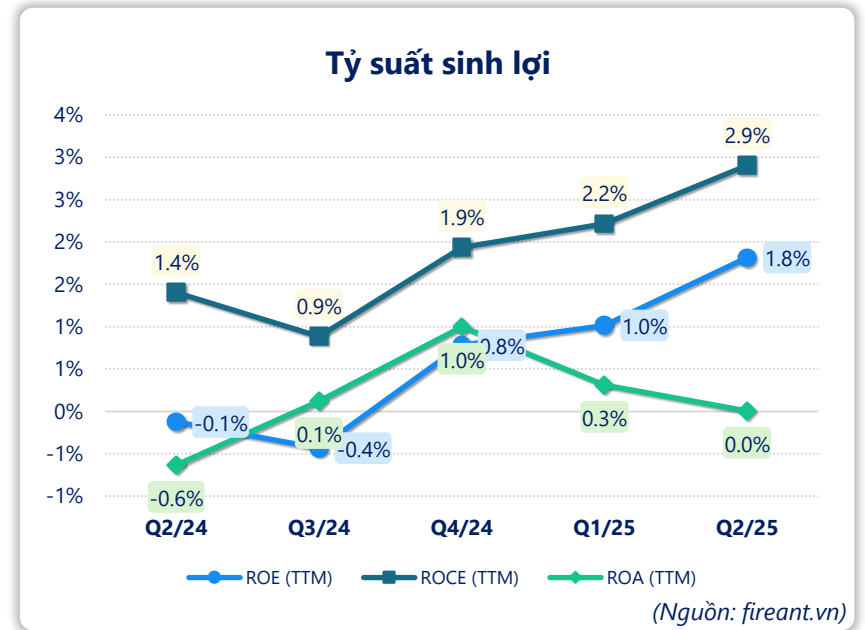
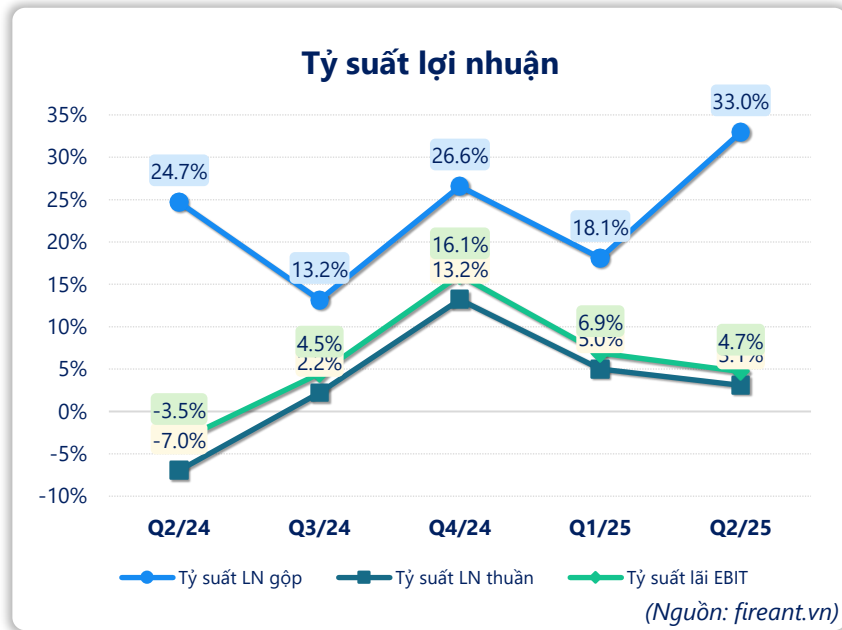
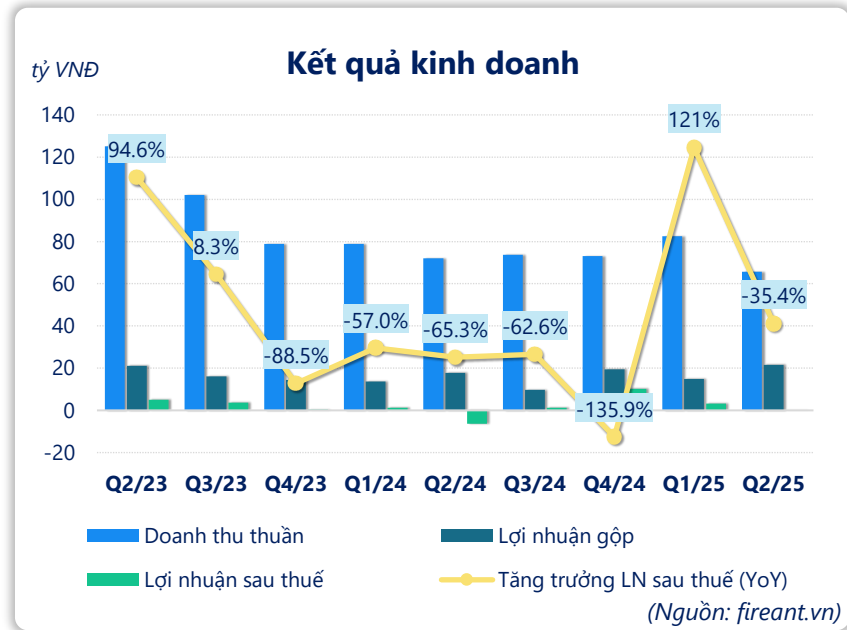


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,550
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,131
SL cổ phiếu LH		13,770,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		545
% sở hữu nước ngoài		2.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		154
P/E		10.6
EPS		1,061

	YTD	1T	3T	6T
SPM	5.7%	-2.2%	-5.5%	-5.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	974	1,009	-3.4%
Tài sản ngắn hạn	837	865	-3.2%
Tiền và tương đương tiền	10.5	30.1	-65.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	779	792	-1.6%
Hàng tồn kho	46.7	40.5	15.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.65	2.46	-73.5%
Tài sản dài hạn	137	144	-4.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	127	118	8.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.79	20.8	-77.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.75	2.75	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.46	3.12	-21.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	167	205	-18.5%
Nợ ngắn hạn	149	187	-20.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	106	143	-25.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	23.1	25.9	-10.8%
Nợ dài hạn	18.0	18.0	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	807	804	0.4%
Vốn chủ sở hữu	807	804	0.4%
Vốn điều lệ	140	140	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	72.1	73.7	73.2	82.5	65.6
Giá vốn hàng bán	54.3	64.0	53.7	67.6	44.0
Lợi nhuận gộp	17.8	9.71	19.4	15.0	21.6
Doanh thu HĐTC	0.06	0.03	0.11	0.06	0.13
Chi phí TC	2.82	1.70	1.80	1.66	1.73
Chi phí lãi vay	2.51	1.68	1.73	1.57	1.63
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	6.91	2.82	6.48	5.66	6.08
Chi phí QLDN	13.1	3.59	1.62	3.57	11.9
LN thuần từ HĐKD	-5.02	1.62	9.65	4.12	2.02
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	0.39	0.00	-0.56
LN trước thuế	-5.02	1.62	10.0	4.12	1.46
Lợi nhuận sau thuế	-6.35	1.22	10.2	3.15	0.07
LNST của CĐ cty mẹ	-6.35	1.22	10.2	3.15	0.07

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	14.3	1.91	26.1	-11.2	32.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.97	-2.86	-1.04	-2.56	-2.43
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-16.0	0.81	4.59	-15.9	-20.4
Tiền đầu kỳ	0.36	0.55	0.41	30.1	0.38
Lưu chuyển tiền thuần	0.19	-0.14	29.7	-29.7	10.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	0.55	0.41	30.1	0.38	10.5

(Nguồn: fireant.vn)